

Bản án số: 123/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/12/2022.

V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Bà Nguyễn Thị Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn Linh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 413/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Điều Thị Huyền T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Nhật Q, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(chị T có mặt, anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Điều Thị Huyền T trình bày: chị và anh Nguyễn Nhật Q xây dựng gia đình với nhau vào tháng 9/2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/9/2011. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu

nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã tự sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn. Về con chung: chị T xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Nhã M, sinh ngày 17/5/2011 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 15/7/2018. Khi ly hôn chị T đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về nợ chung: chị T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra chị T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Nhật Q trình bày: anh và chị T kết hôn với nhau năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc tuy nhiên đến năm 2021 anh phải đi chấp hành án nên chị T yêu cầu ly hôn và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị T làm đơn xin ly hôn thì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng cải thiện nên anh đồng ý ly hôn. Về con chung: anh Q xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Nhã M, sinh ngày 17/5/2011 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 15/7/2018 như chị T trình bày. Khi ly hôn anh Q đồng ý giao cả hai con cho chị Trâm nuôi dưỡng việc cấp dưỡng nuôi con do anh Q và chị T tự thỏa thuận với nhau. Về tài sản chung: anh Q xác định xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về nợ chung: anh Q xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra anh Q không còn yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Điều Thị Huyền T. Về con chung: giao cả hai con chung là Nguyễn Nhã M, sinh ngày 17/5/2011 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 15/7/2018 cho chị Điều Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung các đương sự xác định tự thỏa thuận giải quyết với nhau, về nợ chung

các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí, buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* bị đơn anh Nguyễn Nhật Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị T và anh Q xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/9/2011. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị T làm đơn khởi kiện ly hôn. Tại phiên tòa, chị T xác định vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và do không tìm được biện pháp để cải thiện tình cảm nên anh, chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Vì vậy, chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn anh Q vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Nhật Q cũng như tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Q cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể cải thiện nên anh Q đồng ý ly hôn. Xét thấy, vợ chồng chị T, anh Q phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, trong cách xử sự thì thiếu sự kiềm chế nên thường xảy ra bất hòa. Hơn nữa, do anh Q phải đi chấp hành án nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Vì vậy, từ năm 2021 đến nay hai vợ chồng sống ly thân không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Điều Thị Huyền T, xử cho chị Điều Thị Huyền T và anh Nguyễn Nhật Q được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung:* chị T và anh Q có hai con chung là Nguyễn Nhã M, sinh ngày 17/5/2011 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 15/7/2018. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con và anh Q cũng đồng ý. Xét Thấy từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả hai con vẫn do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện nay, cháu My đã

trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ, cả hai cháu đều là con gái cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Đồng thời, qua xác minh tại địa phương thì được biết anh Q còn ham chơi, chưa tu chí làm ăn. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện học tập và sinh hoạt ổn định cho các cháu, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình, giao cả hai con chung là Nguyễn Nhã M, sinh ngày 17/5/2011 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 15/7/2018 cho chị Điều Thị Huyền T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: chị T và anh Q đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị T và anh Q đều xác định không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: buộc chị Điều Thị Huyền T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Điều Thị Huyền T, xử cho chị Điều Thị Huyền T và anh Nguyễn Nhật Q được ly hôn.

2. Về con chung: giao cả hai con chung là Nguyễn Nhã M, sinh ngày 17/5/2011 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 15/7/2018 cho chị Điều Thị Huyền T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Nhật Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: chị Điều Thị Huyền T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Điều Thị Huyền T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010734 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị T đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Chị Điều Thị Huyền T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/12/2022). Riêng anh Nguyễn Nhật Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Noinhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THADS huyện Lâm Hà;
- UBND xã Phi Tô;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy